

NHO GIÁO VÀ ĐÀO TẠO CON NGƯỜI NHÂN, LỄ

NGUYỄN VĂN NỘI

Nhân loại đang bước những bước đầu tiên vào thiên niên kỷ thứ ba với sự tiến bộ vượt bậc của khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin đã làm biến đổi sâu sắc cuộc sống của con người về thế giới quan cũng như nhân sinh quan. Hàng loạt hệ giá trị thay đổi đã khiến cho các nhà tư tưởng cũng như chính trị gia phải tìm ra một hướng đi phù hợp và tư tưởng Nho gia, với việc giáo dục và đào tạo con người nhân, lễ đã là một hình thái giúp họ có được một niềm tin vững chắc vào chiến lược phát triển con người, phát triển đất nước.

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, các xã hội theo Nho giáo đã giữ được sự ổn định trong gia đình và trật tự ngoài xã hội, củng cố được mối cương thường chính là đã sống theo những qui tắc nhân, lễ của Nho gia. Nhân, lễ đã trở thành một điều quan trọng bậc nhất trong quản lý đất nước và gia đình.

Người khai sáng học thuyết Nho gia là Khổng Tử (551-479 trước CN) tên là Khâu, tự Trọng Ni, người nước Lỗ. Ông là người đầu tiên mở trường tư dạy học và dẫn học trò đi chu du khắp nơi để truyền bá tư tưởng của mình, nhưng vì lý tưởng chính trị và phương án cải cách của ông không phù hợp với thời thế lúc bấy giờ nên ông đã thất vọng trở về nước Lỗ, tập trung sức lực biên tập, chỉnh lý sách vở cũng như những tư tưởng trong dân gian tập hợp thành sáu bộ (đời sau gọi là “lục kinh”): Dịch, Thi, Thư, Lễ, Nhạc và Xuân Thu. Việc làm này đã có công hiến to lớn trong việc gìn giữ và truyền bá văn hoá cổ đại Trung Quốc cũng như phương Đông. Sau khi Khổng Tử chết, Nho gia chia làm nhiều phái nhưng tựu trung lại chỉ có hai phái được coi là chính yếu là Mạnh Tử và Tuân Tử. Mạnh Tử đi sâu tìm hiểu bản tính con người trên cơ sở nhân học của Khổng Tử, đề ra thuyết “*tính thiện*” cho rằng “thiên mệnh quyết định nhân sự nhưng con người có thể qua việc tu tâm dưỡng tính mà nhận thức được thế giới khách quan”. Phát triển truyền thống trọng lễ của Nho gia nhưng trái với Mạnh Tử, Tuân Tử lại cho rằng con người vốn “*tính ác*” và thế giới khách quan có qui luật riêng “*trời đất vận hành có qui luật, không vì ông Nghiêu mà tồn tại, không vì ông Thuấn mà diệt vong*”. Theo Tuân Tử, sức người có thể thắng trời và tư tưởng này của ông rõ ràng mang màu sắc của chủ nghĩa duy vật thô sơ. Cả ba ông, Khổng Tử, Mạnh Tử và Tuân Tử hình thành nên học thuyết được gọi là Nho giáo. Con người là điểm xuất phát của tư tưởng triết học Nho gia. Cả Khổng Tử, Mạnh Tử và Tuân Tử đều giải thích tường tận về điểm này. “*Người có nhân thì yêu con người*”. Hạt nhân tư tưởng triết học Nho gia là Nhân và Lễ. “*Kẻ có nhân ấy là con người vậy*” (*Nhân giả, nhân dã*). Nho gia coi chữ nhân là đạo đức hoàn thiện nhất và để đạt được chữ nhân, Khổng Tử chủ trương dùng lễ nhà Chu, tức là duy trì đẳng cấp trên, dưới, tôn, ti. “*Một ngày biết nén mình theo lễ thì thiên hạ sẽ qui về nhân vậy*”. Nho giáo đã từ hai chữ **nhân** và **lễ** mà suy diễn ra cả hệ thống triết học chính trị, triết học đạo đức

và triết học lịch sử. Khổng Tử nói về vũ trụ và giới tự nhiên không nhiều. Ông thừa nhận sự tồn tại của lực lượng siêu tự nhiên - “*uy thiên mệnh*” nhưng đối với quỷ thần thì kính trọng mà xa lánh (“*kính quỷ thần nhi viễn chi*”). Lập trường của ông trong vấn đề này rất mơ hồ, thậm chí mâu thuẫn. Điều này khẳng định tâm lý của ông muốn gạt bỏ mà không gạt bỏ nổi quan niệm thần học của thời bấy giờ. Quan niệm *thiên mệnh* của Khổng Tử được Mạnh Tử hệ thống hoá, đó là phần phản khoa học, duy tâm trong hệ thống tư tưởng của Nho giáo. Về nhận thức luận, từ kinh nghiệm của mình, Khổng Tử đã tổng kết được nhiều qui luật nhận thức, thể hiện trí tuệ mẫn tiệp, sâu sắc, nhưng chủ yếu là về thực tiễn giáo dục để xây dựng một hình mẫu con người và xã hội lý tưởng. Đó là xã hội thanh bình thịnh trị, mọi người sống nhân đức theo trật tự lễ nghĩa, “*chính danh định phận*”, “*dĩ hoà vi quý*”, vua sáng, tôi trung, cha nhân từ, con hiếu, anh em hiếu đễ,... không có kẻ phản nghịch, “*túc thực, túc binh, dân tín*”, “*bản như lạc*”, “*quả nhi quân*”, dân đông, giàu có và được giáo dục, thi, thư, lễ, nhạc hưng thịnh... Và để xây dựng một xã hội lý tưởng như vậy, theo Nho giáo, điều tiên quyết là phải giáo dục và đào tạo (*giáo hoá*) ra một mẫu người lý tưởng, có đủ tài và đức, trí và lực, văn và chất, một lòng trung thành phụng sự chế độ, là rường cột của chế độ xã hội. Có thể nói, đào tạo con người lý tưởng cho xã hội lý tưởng là nhiệm vụ chủ yếu và là vấn đề cốt lõi trong học thuyết chính trị, đạo đức, xã hội của Nho gia. Mẫu người lý tưởng ấy, không ai khác chính là “*đấng trượng phu*”, là bậc quân tử mà xã hội phong kiến hết sức đề cao. Người quân tử là người có đủ nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, dũng, hiếu, kính, đễ...; hiểu đạo, vui với đạo và thuận theo đạo. Khổng Tử viết: “*Biết đạo chẳng bằng ưa đạo, ưa đạo chẳng bằng vui với đạo*”. Tóm lại, quân tử là người hoàn thiện về tri thức, đạo đức, nhân cách, tình cảm, thái độ và hành động. (*chiến lược đào tạo con người của Đảng ta hiện nay cũng đang kế thừa tinh thần ấy của Nho giáo*). Đào tạo và giáo dục con người, theo Khổng Tử là dạy học đạo lý: “*buổi sáng được nghe đạo lý, buổi chiều dẫu chết cũng vui*” và ông đã đề xuất một hệ thống phương pháp giáo dục khá chặt chẽ, với những kiến giải sâu sắc. Khổng Tử cũng là người đầu tiên khởi xướng “*hữu giáo vô loại*” và chủ trương “*học đạo lý không cầu lợi*”, học từ mức thấp để đạt lên mức cao”. Trong giáo dục và đào tạo con người, Nho giáo đặc biệt nhấn mạnh đến chữ “*nhân*”. Nếu như ý niệm *nghĩa* có phần thiên về hình thức thì ý niệm *nhân* có tính chất cụ thể. Trong xã hội, mọi người đều có những điều phải làm, làm nhiệm vụ vì nhiệm vụ, làm không vì nhiệm vụ và cũng không vì lợi cá nhân mà vẫn làm tức là “*nhân*”. Khổng Tử đã nói: “*Quân tử biết rõ về nghĩa, tiểu nhân biết rõ về lợi*”. Chính vì vậy, chỉ có người nào thật lòng thương người khác thì mới có thể làm tròn bổn phận của mình trong xã hội. Trong sách Luận ngữ có chép lời Khổng Tử: “*Kẻ nhân là kẻ muốn lập cho mình thì lập cho người; kẻ muốn cho mình nên thì lo cho người nên. Có thể lấy mình mà xử với người, ấy khá gọi là đường lối của nhân*”. Nói như vậy cũng có nghĩa thì hành nhân tức là trọng kẻ khác. Nói một cách khác là “*hãy làm điều gì mình muốn người làm cho mình*” và ngược lại “*điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người*”. Đó chính là “*đường lối của nhân*”. Một cách cụ thể trong hành động, Khổng Tử viết tiếp: “*Điều mình ghét ở kẻ trên thì chớ đem sai kẻ dưới; điều mình ghét ở kẻ dưới thì chớ đem mà thi hành với người trên. Điều mình ghét ở kẻ trước thì chớ đem mà đối kẻ sau; điều mình ghét kẻ sau thì chớ đem mà đải kẻ trước. Điều mình ghét ở người bên phải thì chớ đem mà trao cho người bên; điều mình ghét ở người bên trái thì chớ đem trao cho*

người bên phải”. Như vậy, việc thi hành chữ nhân trong Nho giáo cũng không phải là khó khăn hay siêu việt gì mà nó chính là những phép tắc ứng xử mà mỗi cá nhân trong xã hội có nghĩa vụ phải thi hành. Và sự thi hành ấy khiến con người phải nhận lấy những trách nhiệm và bổn phận xã hội, trong đó có “*nghĩa*”. Và trong mỗi trường hợp, phép tắc cư xử là ở tại mỗi cá nhân chứ không ở đâu khác. Vấn đề là định ra những phép tắc và thi hành đúng như “*việc gì mình không muốn thì đừng làm cho người, Thờ cha như ta muốn con thờ ta... Thờ vua như ta muốn kẻ dưới thờ ta... Thờ anh như ta muốn em thờ ta... Đối với bạn thì hãy làm trước như ta muốn bạn đối với ta...*”. Đó chính là nhân, “*Nhân có xa đâu? Nếu ta muốn nhân, thì nhân ấy đến liền*”.

Quan niệm về lễ của Nho giáo là một trong những quan niệm có nhiều yếu tố tích cực, tiến bộ, trong đó nổi bật là ý tưởng cho rằng xã hội phải có *lễ* thì mới ổn định và phát triển. Theo các nhà nghiên cứu lịch sử tư tưởng Trung Quốc, ban đầu, theo nghĩa đen, lễ chỉ có ý nghĩa cúng tế thần linh. Về sau, người ta mới chế tác ra lễ với nhiều nghi thức khác nhau để duy trì trật tự xã hội và chính Khổng Tử đã chủ trương thực hành Chu lễ. Ông cho rằng, lễ là tiêu chuẩn để đánh giá con người đối xử với nhau. Lễ là gốc của nhân. Biểu hiện thái độ của lễ là ở kính, ở lòng chí thành. Ông chủ trương *khắc kỷ phục lễ* để con người rèn luyện các phẩm chất đạo đức như cung, khiêm, dũng, trực... tức để trở thành con người có nhân cách tốt trong xã hội (người quân tử). Lễ đã trở thành những qui phạm bắt buộc, là tiêu chuẩn phổ biến của xã hội điều chỉnh hành vi của con người. Lễ không chỉ là lễ giáo đơn thuần, mà là điển chương, là pháp luật, nếp sống... mang ý nghĩa đạo đức - văn hoá rộng lớn. Căn nguyên của việc phải thực hành lễ của Nho gia được Tuân Tử luận chứng một cách hết sức cặn kẽ và thuyết phục. Với xuất phát điểm con người vốn “*tính ác*”, Tuân Tử đặt ra vấn đề căn nguyên của thiện ở đâu và ông đi tìm câu trả lời từ xã hội. Ông chủ trương rằng, con người không thể sống không có tổ chức xã hội và để có đời sống ấm no, con người phải cần sự cộng tác và giúp đỡ lẫn nhau: “*Việc làm của trăm thợ, là để nuôi một người. Tài hay chẳng thể kiêm nghề, con người chẳng thể kiêm quan. Sống riêng chẳng giúp nhau thì khốn*”.

Và cũng vì vậy, con người còn phải đoàn kết để chiến thắng vạn vật: “*Sức không bằng trâu, chạy không bằng ngựa, mà dùng được trâu ngựa là vì sao? Là vì người có thể hợp quân, các loài kia không thể hợp quân... Hợp nhất thì có nhiều sức, sức nhiều thì mạnh; mạnh thì thắng vật*”.

Vì hai lẽ ấy, con người cần phải có tổ chức xã hội, và muốn có tổ chức xã hội, thì phải cần đến những lễ lỗi cư xử. Lễ lỗi ấy là “*lễ*”, nó chiếm một địa vị trọng yếu đối với Nho gia và Tuân Tử cũng hết sức chú ý tới. Bàn về nguồn gốc của lễ, Tuân Tử nói: “*Người ta sinh ra có lòng ham muốn; muốn không được thì không thể tìm, tìm mà không độ lượng phân giới thì không thể không tranh. Tranh thì loạn, loạn thì hết. Các vua trước ghét loạn, nên đặt ra lễ nghĩa để phân chia*”. Trong một thiên khác, ông viết: “*Thiên hạ ghét và muốn những vật giống nhau. Muốn thì nhiều mà vật thì ít. Vì ít, nên không khỏi tranh nhau*”.

Tuân Tử đã chỉ ra một nguyên nhân căn bản của sự rối loạn trong đời sống xã hội con người, đó là sự muốn và ghét những điều giống nhau. Chính sự không muốn và không ghét những điều giống nhau này đã tạo ra xung đột và cần phải có một giới hạn những ham muốn ấy, đó chính là lễ. Tuân Tử còn phân biệt giữa tự nhiên và giáo hoá. *“Con người sở dĩ là người, không phải vì riêng có hai chân và không lông, mà vì biết biệt biệt. Cảm thú có cha con mà không có tình thân cha con. Có đực cái mà không có sự phân biệt nam nữ. Cho nên đạo người phải có biệt. Biệt chẳng có gì lớn hơn phân. Phân chẳng có gì lớn hơn lễ”*. Tình thương yêu giữa cha con, sự phân biệt giữa vợ chồng là sản phẩm của giáo hoá, của văn minh. Đó không phải là những điều của tự nhiên, mà là sự chinh phục của tinh thần. Và vì vậy, người ta phải đặt ra nhân luân và lễ để phân biệt với cảm thú. Mạnh Tử cũng là người coi trọng và đề cao lễ. Ông cho rằng lễ là hình thức biểu hiện của đạo người quân tử. Ông chỉ rõ nguồn gốc của lễ ở trong bản tính con người, đó là lòng từ nhượng. Duy vật hơn, Tuân Tử giải thích sâu sắc về nguồn gốc, nội dung của lễ: trời đất, tổ tiên, vua và người thầy, *“trên thờ trời, dưới thờ đất, tôn vinh tổ tiên, quý trọng vua và thầy”*. Ông cho rằng có lễ và phải thực hành lễ là do điều kiện kinh tế - xã hội. Ông nói: lễ là để phân biệt trên dưới, khiến cho sang hèn có đẳng cấp, già trẻ có sự sai biệt, trí ngu, tài giỏi, kém cỏi đều có phân vị khác nhau, không tiếm vượt. Quan niệm về lễ của Nho giáo ngày càng được phát triển đầy đủ hơn. *“Lễ, ấy là quyền bính lớn của nhà vua, để phân biệt chỗ ngồi, làm sáng tỏ chỗ tế vi, tế lễ quý thần, khảo sát chế độ, phân biệt điều nhân nghĩa, để làm yên ổn chính trị cho vua vậy”*. Như vậy, lễ được các nhà nho hiểu là những phong tục tập quán, tín ngưỡng, những qui tắc qui định trật tự xã hội, là thể chế chính trị, pháp luật của nhà nước, là những nghi thức trong đời sống như tang ma, cưới xin, triều chính... Lễ là tiêu chuẩn cho mọi suy nghĩ cũng như hành động của con người trong xã hội. Có thể nói lễ là trung tâm của Nho giáo, là hình thức biểu hiện của một xã hội thái bình thịnh trị, là tiêu chí để đánh giá con người và chế độ xã hội. Chính vì vậy, Khổng Tử mới nói: ***“không phải lễ thì không nhìn, không phải lễ thì không nghe, không nói và không hành động”***. Tuy nhiên, ông cũng cảnh tỉnh:

“cung kính quá thì lao nhọc thân hình, cẩn thận quá thành nhát gan, dững cảm quá hoá loạn nghịch, ngay thẳng quá trở nên gắt gỏng”. Lễ được đặt ra để dạy dân, nhưng không phải là cái bất biến mà lễ cũng thay đổi theo thời, cốt sao nước trị, dân yên. Vì gốc của lễ là thuận lòng người nên những điều không ghi trong sử sách mà thuận lòng người cũng được coi là lễ. Với quan điểm duy vật tiến bộ, mục đích của lễ được hiểu tốt đẹp như vậy là cơ sở để mở rộng và phát triển những nội dung tiến bộ, phù hợp của nó nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội, loại bỏ những gì không còn là lễ khi điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi. Nho giáo cho rằng phải thực hiện triệt để lễ trị, vì theo họ, lễ qui định danh phận của từng người trong xã hội theo địa vị đẳng cấp, ngôi thứ rõ ràng, không ai được tiếm vượt. Thi hành lễ sẽ có tác dụng ổn định trật tự xã hội. Khổng Tử giải thích rằng, xã hội phải có lễ và mọi người phải tuân theo lễ vì không có lễ lấy gì phân biệt địa vị vua, tôi, trên, dưới, lớn, nhỏ. Không có lễ không phân biệt tình thân mật của trai gái, cha con, anh em, sự giao thiệp thân hay sơ của hôn nhân. Và vì vậy, ông đề ra chuẩn mực vua phải sống xứng đáng là vua, bề tôi đáng phận bề tôi, cha đáng cha, chồng đáng chồng, con đáng con. (*“Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử”*) Tất cả mọi người đều làm tròn bổn

phận, trách nhiệm của mình trong các mối quan hệ thì xã hội mới bình ổn và phát triển. Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ (ai cũng tu thân, thì gia đình tròn trịa, cũng tức là giúp cho quốc gia, và như vậy thì thiên hạ thái bình (“gia đình là tế bào của xã hội”). Và như vậy cũng có nghĩa rằng phân theo lễ là để định rõ danh phận. Sự khác biệt về địa vị, quyền hạn và trách nhiệm của từng hạng người trong xã hội được coi là tiêu chuẩn khách quan để phân biệt. Đây cũng chính là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước phong kiến phương đông và cũng là yêu cầu trước tiên của Nho giáo, bởi nó gắn với sự tồn vong của đất nước. Nhờ có lễ mà xã hội ổn định, có trật tự kỷ cương, đạt được chính danh. Một phương diện khác tích cực của lễ ấy là nhờ có lễ mà giáo dục, rèn luyện được tâm tính con người, đưa con người trở về với tính thiện bẩm sinh, đưa con người từ ác trở nên thiện. Giáo dục theo lễ đã chỉ ra cho con người điều hay lẽ phải, thấy rõ lợi ích của hành động. Theo lễ sẽ đạt được điều nhân, cảm hoá được người khác, vì *“lễ giảng điều tín, sửa điều hoà mục, đề cao lòng từ nhượng, khiến người ta từ bỏ các mối tranh chấp vì lợi ích riêng để trở về với tính thiện bẩm sinh”* như Mạnh Tử quan niệm. Với con mắt của nhà tâm lý học phương đông, với thế giới quan duy vật và nhân sinh quan đúng đắn, Tuân Tử còn nêu rõ tác dụng to lớn của lễ đối với việc rèn luyện tâm tính, nhân cách của con người. Hơn thế, ông còn gọi lễ là “thuật trị khí dưỡng tâm” tốt nhất, bởi, nó làm cho con người đạt được đức tốt, đưa con người tới nhân, nghĩa, trí, và đạt tới **chí thiện**. Đến đây, có thể khẳng định rằng, nếu Khổng Tử khái quát tác dụng của lễ trong việc rèn luyện phẩm chất đạo đức của con người bằng lời khuyên “khắc kỷ phục lễ vi nhân”; và nếu Mạnh Tử thấy rõ tác dụng của lễ làm cho nhân nghĩa thêm tốt đẹp, làm cho con người trở về tính thiện bẩm sinh thì Tuân Tử đã chỉ ra tác dụng đầy đủ, tích cực, sâu sắc của lễ trong việc biến đổi, cảm hoá tâm tính con người, làm cho con người trở nên tốt đẹp hoàn toàn. Một tác dụng khác nữa của lễ là góp phần xây dựng tập quán đạo đức, truyền thống văn hoá. Ngoài việc định danh phận, rèn luyện nhân cách đạo đức, lễ còn tạo nên bầu không khí lễ giáo, khiến cho người ta dứt bỏ những điều sàm tục, hướng đến những giá trị cao cả, đặc biệt là khi tế lễ đã khiến con người nghĩ đến tổ tiên, nhớ về cội nguồn với lòng thành kính và biết ơn sâu sắc. Những nghi thức tế lễ phù hợp, được thực thi đúng mức đã phản ánh trình độ nhận thức thẩm mỹ, sự phát triển cao về văn hóa tinh thần của con người thời cổ đại. Khổng Tử là người đầu tiên thấy rõ tác dụng này. Là người yêu chuộng lễ từ nhỏ, hiểu rõ tác dụng, ý nghĩa thẩm mỹ và văn hóa của lễ nên ông coi lễ là đầu mối của sự quản lý, là cái dùng để tiết chế cho vừa đạo trung, khiến cho con người biết tự trọng, coi trọng giá trị làm người mà tự giác, vui vẻ tuân theo. Người có lễ là người có đạo đức, có văn hoá, có trách nhiệm với mọi người khác. Kinh điển Nho giáo ghi lại nhiều mẫu mực ứng xử theo lễ của Khổng Tử đến mức máy móc, giáo điều, nhưng thực ra, đó là biểu hiện của bậc trí giả. Khổng Tử nói:

“Coi người chết như chết hẳn là bất nhân, không thể làm. Coi người chết như sống thật là bất trí, không thể làm”. Mạnh Tử cũng vậy, ông từng khuyên *“tặng cho người ta vật gì mà thiếu lễ thì kể như chưa tặng”*. Ngay như ngày nay, người ta thường nói: Vấn đề không phải là bao nhiêu (trị giá) mà là đưa như thế nào (giá trị). Nói đến lễ, không thể không nhắc đến chữ hiếu, một hành xử biểu hiện đầy đủ nhất, đặc thù nhất của lễ trong Nho gia.

Khi bàn về đạo hiếu, Khổng Tử và Mạnh Tử nhấn mạnh yêu cầu về thái độ của con cái khi nuôi dưỡng cha mẹ cho có lễ, lo tang lễ và cúng tế cha mẹ cho có lễ, đồng thời, giải thích rõ lý do của tục lệ để tang cha mẹ ba năm là để tỏ lòng biết ơn và để đền đáp công sinh thành và nuôi dưỡng của cha mẹ trong ba năm ẵm bẵm, thì Tuân Tử, ngoài việc khẳng định tập tục trên là đúng, là vừa phải, ông còn phân tích và giải thích một cách rành mạch, rõ ràng về ý nghĩa tốt đẹp của tang lễ và tế lễ. Ông coi đó là hình thức biểu hiện của tập quán đạo đức, văn hoá truyền thống và của đạo làm người. *“Lễ là dùng vào việc sống chết. Sống là bắt đầu của người, chết là chấm dứt của người. Thủy chung đều tốt, thì đạo người trọn vẹn...Thờ cha mẹ hậu khi sống, bạc khi chết, ấy là kính khi cha mẹ biết, mà coi rẻ khi không biết... Chết là không thể trở lại được; bề tôi có dịp mà hết lòng trọng vua, con có dịp mà hết lòng trọng cha mẹ, ấy là hết vậy. Tang lễ là người sống trang sức kẻ chết, coi như sống để đưa lúc chết, cho nên thờ kẻ chết như thờ kẻ sống, thờ khi mất như khi còn ấy là trước sau như một vậy... Cho nên tang lễ không gì khác là làm cho rõ nghĩa sống chết, đưa người chết với lòng buồn thương kính trọng, để làm cho trọn sự chết của người”*.

Hình thức tế lễ này cần được duy trì vì có tác dụng giáo dục rất cao trong việc xây dựng và hoàn thiện nhân cách bởi con người, dù là con người hiện đại, trong đời sống của mình, không chỉ có hiện tại và tương lai mà còn có quá khứ. Tất nhiên, cũng không vì quá khứ mà sa vào duy tâm hay siêu hình. Khổng Tử nói:

“Coi người chết như chết hẳn là bất nhân, không thể làm. Coi người chết như sống thật là bất trí, không thể làm”.

Kết luận về tác dụng của lễ, Nho gia khẳng định: Con người không có lễ thì không thể sinh tồn, việc không có lễ thì không thành, nước không có lễ thì không thể có an ninh. Trong các tác dụng của lễ thì tác dụng qui định danh phận của lễ cực kỳ quan trọng và quyết định hơn cả, bởi nó có ý nghĩa cả về lý luận cũng như thực tiễn trong việc duy trì trật tự xã hội, tất nhiên là xã hội phong kiến phương Đông. Cũng chính vì vậy, nó được xã hội phong kiến sử dụng triệt để nhằm phục vụ lợi ích của nó. Bên cạnh mặt tích cực là xác định rành mạch, rõ ràng danh phận và địa vị của các thành viên trong xã hội, thì việc phân định rạch ròi danh phận và địa vị cũng lại kìm hãm con người trong vòng trật tự kỷ cương một cách khắt khe, tàn nhẫn, nhất là từ thời Hán trở về sau. Các tác dụng sau chỉ có thể được phát huy khi người ta nhận thức được đầy đủ, sâu sắc về nội dung và ý nghĩa của lễ, khi mà mọi người thừa nhận và tự giác tuân theo lễ. Do mục đích của việc tế lễ và tác dụng của việc thực hành lễ trị mà sau này lễ được giai cấp phong kiến xử dụng và tuyệt đối hoá với những yêu cầu vượt khỏi nội dung ban đầu đầy tính nhân văn của nó, làm cho nó trở nên gò bó, khắt khe đối với mọi người. Và cũng chính vì vậy mà người ta mới có cơ sở để khẳng định rằng xã hội phong kiến, với việc thực hành lễ trị là nhằm ràng buộc, kìm hãm con người trong vòng trật tự mà vua chúa phong kiến định ra. Có thể nói, phục tùng trật tự đẳng cấp là tinh thần cơ bản của lễ giáo phong kiến. Nó càng trở nên gay gắt và khắt khe khi chính quyền phong kiến tập quyền được xác lập, những yêu cầu đạo đức của các mối quan hệ xã hội đều bị qui theo một chiều, theo một lễ thức thống

nhất với triết lý duy tâm khách quan. Và điều này đã làm cho những ý nghĩa tích cực, những giá trị nhân văn của lễ bị lấn át, bị xoá nhoà khiến cho con người trở nên mất tự do, khô khan, lãnh đạm trước những cảm xúc vật chất. Điều đó còn trở nên tàn bạo và phản động khi kèm theo lễ là pháp luật hà khắc của giai cấp phong kiến được thi hành trong toàn xã hội nhằm bảo vệ tuyệt đối lợi ích của giai cấp thống trị, đi ngược lại lợi ích của nhân dân lao động. Khổng Tử là một trong những người đầu tiên đề xướng việc học lễ và dạy lễ cho học trò cũng như cho mọi người. Ông cho rằng, học lễ là điều kiện đầu tiên không thể thiếu đối với mỗi một con người khi gia nhập xã hội. Con người ta phải tự mình rèn luyện, học theo lễ, vì “*Kinh Lễ dạy người ta ở đời cho có qui củ*”, không học Kinh Lễ thì không biết cách đứng ở cuộc đời. Tuân Tử khẳng định không học lễ thì không thành người và lễ không phải là khó học mà tùy theo năng lực, con người ta đều có thể học được và thực hành theo được. Học Kinh Lễ là để “*theo lễ mà suy tư, theo lễ mà thực hành*”. Vấn đề quyết định chính là ý thức tự giác, tự trọng khi học lễ. Ông khẳng định, học lễ chính là học đạo làm người, tuân theo lễ chính là thực hành đạo làm người; học lễ và tuân theo lễ là để trở thành người có đạo đức, có nhân cách tốt đẹp. Đến đây, có thể thấy rằng, lễ và học theo lễ có sự mâu thuẫn tưởng như khó giải thích và khó giải quyết. Nhưng thực ra, đó chính là mâu thuẫn giữa việc thực hành lễ bị giai cấp phong kiến thống trị lợi dụng để bảo vệ những lợi ích của họ với lý tưởng cao đẹp và tác dụng tích cực của lễ mà những nhà tư tưởng của Nho gia chân chính đã phân tích và giải thích đầy đủ. Nói một cách khác, đó là mâu thuẫn giữa lý luận và thực tiễn thực hành đạo làm người của các nhà nho trong xã hội phong kiến. Nó chỉ có thể được giải quyết tích cực khi giai cấp thống trị biết quan tâm đến lợi ích của nhân dân và của toàn xã hội mà bớt đi những yêu cầu khắt khe về đạo đức, cũng như giảm nhẹ những hình phạt tàn bạo, vô lý mà họ định để dành cho giai cấp bị trị. Chỉ khi nào giai cấp thống trị thi hành tốt biện pháp đức trị thì ý nghĩa và tác dụng tích cực của lễ trị mới được phát huy, do đó, xã hội mới ổn định, phát triển toàn diện và bền vững; đặc biệt, các mối quan hệ giữa người với người mới trở nên tốt đẹp. Ngày nay, với nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn nhưng người ta vẫn tán thành quan điểm lễ trị của Nho giáo và người ta kế thừa khái niệm lễ của Nho học bằng cách biến nội dung tôn ti trật tự phong kiến, chế độ đẳng cấp tông tộc thành nếp sống có trật tự, có văn hoá, có sự hoà quyện giữa ý thức đạo đức và pháp luật tiến bộ, văn minh. Con người ngày nay cũng dùng cách nói xã hội phải có kỷ cương trật tự, xã hội phải có nề nếp..., nhưng nói xã hội phải có lễ dường như cô đọng hơn, có tính lịch sử hơn và đặc biệt, dễ hiện thực hóa hơn. Cũng cần phải nhấn mạnh rằng, xưa, Khổng Tử yêu cầu phải học lễ vì không học lễ con người ta không thể đứng được trong xã hội, không thể trở thành con người chân chính, có ích cho xã hội. Ngày nay cũng vậy, không tuyên truyền và giáo dục chính trị, đạo đức cho toàn thể nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ, nếu không được học pháp luật, không nhận thức được rằng sống và hành động phải theo hiến pháp và pháp luật là yêu cầu tối thiểu của người công dân trong một xã hội hiện đại, là để bảo vệ và thực hành đạo làm người, thì tất yếu trật tự, kỷ cương của xã hội hiện đại sẽ không được duy trì, ổn định và phát triển bền vững, con người sẽ không thể tồn tại trong độc lập, tự do, ấm no và hạnh phúc. Dù còn có nhiều hạn chế do điều kiện lịch sử và lập trường giai cấp qui định thì tư tưởng về giáo dục và đào tạo, nhất là nhân và lễ của Nho gia vẫn là những đóng góp quý báu vào kho tàng lý luận giáo dục của nhân loại. Bên

cạnh những bài học lớn về phương châm, chiến lược đào tạo con người thì Nho giáo còn đưa ra những tiêu chuẩn, tiêu chí ứng xử và những nghi thức, nghi lễ hết sức cụ thể và có giá trị ứng dụng trong thực tế hiện nay khi mà chúng ta đang xây dựng chiến lược đào tạo con người, nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Kế thừa, chọn lọc và phát huy kinh nghiệm của ông cha trong việc thực hiện tư tưởng Nho giáo chắc chắn sẽ có ích lợi không nhỏ trong việc xây dựng một xã hội có trật tự kỷ cương, sẽ thúc đẩy nhanh và tốt sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, giữ gìn và phát huy được bản sắc văn hoá dân tộc, đẩy lùi được các hiện tượng tiêu cực như hiện nay. Và, hơn cả là xây dựng được đúng nghĩa một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.